

# 23 Cấu trúc ngữ pháp ôn thi Cambridge Starters



FLYER.VN



## #1 Danh từ - Nouns

Danh từ số ít và Danh từ số nhiều, bao gồm danh từ số nhiều bất quy tắc, danh từ đếm được, không đếm được và tên

Would you like an orange?

Lemons are yellow.

Pat has six mice.

I eat rice for lunch.

Anna is my friend



## #2 Tính từ - Adjectives

Bao gồm tính từ sở hữu

He's a small boy.

His name is Bill.

## #3 Từ hạn định - Determiners

It's a banana.

This is an apple.

Put the hat on the boy's head.

I want some milk.

These books are blue



## #4 Đại từ - Pronouns

Bao gồm đại từ chỉ định, đại từ nhân xưng, đại từ nghi vấn sở hữu và "one"

This is my car.

Can you see me?

Which is Anna?

Yes, please. I'd like one.

This is mine!

Is that yours?

# 23 Cấu trúc ngữ pháp ôn thi Cambridge Starters



FLYER.VN



## #5

### Động từ - Verbs

(Thể khẳng định, phủ định, nghi vấn, cầu khiến và dạng trả lời ngắn, bao gồm dạng rút gọn)

Hiện tại đơn - Present simple

Nick is happy.

I don't like eggs.

Eat your lunch!

Is that your sister? Yes, it is.

Hiện tại tiếp diễn (không ý chỉ tương lai)

What are you doing?

The cat's sleeping.

Can - thể hiện khả năng

The baby can wave.

Can - thể hiện lời đề nghị/cho phép

Can I have some birthday cake?

Have (got) - chỉ sự sở hữu

Have you got a pen?

She hasn't got a dog.



## #6

### Trạng từ - Adverbs

I'm colouring it now.

My grandma lives here.

She lives here too.

## #7

### Liên từ - Conjunctions

I've got a pen and a pencil.